

Bản án số: 06/2024/DS - ST

Ngày 25 - 4 - 2024

V/v: “Tranh chấp chia tài sản thuộc sở hữu chung
và thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Băng – Ông Hoàng Quốc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thái Quang – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái: Bà Đỗ Thanh Loan và Phạm Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 82/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2023. Về việc: “Tranh chấp chia tài sản thuộc sở hữu chung và thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2024 và thông báo mở lại phiên tòa số 05/2024/TB-XX ngày 15 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1947; địa chỉ: Tổ A, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn:

- Anh Đới Văn T, sinh năm 1979; địa chỉ: Số nhà A, ngõ A, phố K, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt không lý do.

- Chị Đới Thị L, sinh năm 1979; địa chỉ: Số nhà B, phố B, tổ A, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai; vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Đới Quốc T1, sinh năm 1970; nơi thường trú: tổ A, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Người đại diện theo ủy quyền là chị Đới Thị L; vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Đới Thành C, sinh năm 1974; địa chỉ: Số nhà C đường T, tổ dân phố A, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- Chị Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1981; địa chỉ: Đ, thôn N, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

(Người đại diện theo ủy quyền của anh C và chị D là chị Đới Thị L; vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 10 năm 2023, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Đới Xuân Á có đăng ký kết hôn vào năm 1978, ông bà có hai con chung là chị Đới Thị L và anh Đới Quốc T2. Ông Á có ba con riêng là anh Đới Quốc T1, anh Đới Thành C và anh Đới Văn T. Sau khi kết hôn với bà, anh T1 đã chung sống cùng bà, ông Á, chị L và anh T2. Quá trình chung sống, ông bà cùng các con là anh T1, chị L, anh T2 đã cùng nhau tôn tạo xây dựng được khối tài sản chung là quyền sử dụng 1286m² đất trong đó 391m² đất ở thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 38BI và 895m² đất vườn tạp thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 38BI và tài sản gắn liền trên đất là một căn nhà xây cấp 4 diện tích khoảng 100m², có địa chỉ tại tổ E A (nay là tổ A), phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Bà, ông Á, anh T1, chị L, anh T2 thống nhất tài sản nêu trên đứng tên hộ ông bà. Ngày 12 tháng 12 năm 2003 Ủy ban nhân dân thành phố Y đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên có số Y 826286, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 1467QSĐĐ/1141-UBTP mang tên hộ ông bà Đới Xuân Á - Nguyễn Thị H. Trị giá nhà đất là 1.800.000.000 đồng (một tỷ tám trăm triệu đồng).

Ngày 06 tháng 02 năm 2016 anh Đới Quốc T2 chết không để lại di chúc, di sản anh T2 để lại là 1/5 diện tích đất và tài sản gắn liền trên đất nói trên. Cụ thể là 78,2 m² đất ở thửa đất số 58, tờ bản đồ số 38BI và 179m² đất vườn tạp thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 38BI và tài sản gắn liền trên đất là 20m² nhà cấp 4. Trị giá di sản của anh T2 để lại là 360.000.000 đồng. Anh T2 có vợ là chị Nguyễn Thị Kim D. Anh T2, chị D không có con chung, anh T2 không có con riêng, con nuôi.

Ngày 07 tháng 8 năm 2022, ông Đới Xuân Á chết, bố đẻ ông Á là cụ Đới Văn D1, chết năm 1960, mẹ đẻ ông Á là cụ Khương Thị S, chết năm 1984. Ông Á có 05 con trong đó có 02 người con chung với bà là chị L và anh T2 và 03 người con riêng là anh T1, anh C, anh T.

Trước khi chết, ngày 27 tháng 4 năm 2022 ông Á đã làm di chúc tại Văn phòng C1 để lại toàn bộ tài sản là 1/5 quyền sử dụng đất chung với các thành viên trong hộ ông Đới Xuân Á và bà Nguyễn Thị H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cụ thể 78,2 m² đất ở thửa đất số 58, tờ bản đồ số 38BI và 179m² đất vườn tạp thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 38BI cho bà (Văn Bản công chứng số 2825/quyền số 04/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27 tháng 4 năm 2022).

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, bà làm văn bản khai nhận di sản thừa kế theo di chúc tại Văn phòng C2 số công chứng 3796/Quyền số 02/2022/TP-CC-SCC/HĐGD.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023 anh Đới Quốc T1 làm văn bản từ chối nhận phần di sản thừa kế của ông Đới Xuân Ân do anh Đới Quốc T2 để lại tại Văn phòng C2 số công chứng 4563/Quyền số 03/2023TP/CC-SCC/HĐGD.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023 anh Đ Thành Chung làm văn bản từ chối nhận phần di sản thừa kế của ông Đới Xuân Ân do anh Đới Quốc T2 để lại tại Văn phòng C2 số công chứng 4564/Quyền số 03/2023TP/CC-SCC/HĐGD.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023 chị Nguyễn Thị Kim D làm văn bản từ chối nhận phần di sản thừa kế của ông Đới Xuân Ân do anh Đới Quốc T2 để lại tại Văn phòng C2 số công chứng 4562/Quyền số 03/2023TP/CC-SCC/HĐGD.

Tuy nhiên, quá trình bà làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế anh Đới Văn T không đồng ý nên bà khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Phân chia tài sản chung của bà, ông Ân, anh T1, chị L, anh T2 là quyền sử dụng 1286m² đất trong đó 391m² đất ở thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 38BI và 895m² đất vườn tạp thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 38BI có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y826286, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 1467QSĐĐ/1141-UBTP do Ủy ban nhân dân thành phố Y cấp ngày 12/12/2003 mang tên hộ ông bà Đới Xuân Ân - Nguyễn Thị H và tài sản gắn liền trên đất là 01 ngôi nhà xây cấp 4 diện tích khoảng 100m² có địa chỉ tại tổ E A nay là tổ A phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái trị giá nhà đất 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng), cụ thể:

Bà, ông Ân, anh T1, chị L, anh T2 mỗi người được chia là 78,2m² đất ở; 179m² đất vườn tạp và tài sản gắn liền trên đất là 20m² nhà xây cấp 4. Trị giá mỗi người được hưởng là 1.800.000.000 đồng : 5 = 360.000.000 đồng.

2. Phân chia di sản của anh Đới Quốc T2 là quyền sử dụng 78,2m² đất ở; 179m² đất vườn tạp và tài sản gắn liền trên đất là 20m² nhà xây cấp 4. Tổng trị giá là 360.000.000 đồng cho 03 người trong diện thừa kế là bà, ông Ân và chị D mỗi người được hưởng là 26,067m² đất ở; 59,67m² đất vườn tạp và tài sản gắn liền trên đất là 20m² nhà cấp 4 : 3 người = 6,67m². Trị giá là 360.000.000 đồng : 3 người = 120.000.000 đồng. Do chị D từ chối nhận di sản thừa kế nên bà đề nghị Tòa án giao cho bà phần di sản chị D được hưởng.

3. Công nhận di chúc của ông Đới Xuân Ân lập tại Văn phòng C1 (V công chứng số 2825/quyền số 04/2022TP/CC-SCC-HĐGD ngày 27 tháng 4 năm 2022) có nội dung: Ông Đới Xuân Ân để lại toàn bộ tài sản là 1/5 quyền sử dụng đất chung với các thành viên trong hộ ông Đới Xuân Ân và theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cụ thể 78,2 m² đất ở thửa đất số 58, tờ bản đồ số 38BI và 179m² đất vườn tạp thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 38BI cho bà có hiệu lực pháp luật.

4. Phân chia di sản của ông Đới Xuân Ân phần di sản được hưởng của anh T2 chia theo pháp luật là 26,067m² đất ở; 59,67m² đất vườn tạp và tài sản gắn liền trên đất là 6,67m², trị giá là 120.000.000 đồng cho 05 người thuộc diện thừa kế là bà, anh T1, anh C, anh T, chị L, mỗi người được hưởng là 5,21m² đất ở;

11,93m² đất vườn tạp và tài sản gắn liền trên đất là 1,3m² nhà xây cấp 4, mỗi người được hưởng trị giá là 120.000.000 đồng : 5 người = 24.000.000 đồng. Do anh T1, anh C, chị L từ chối nhận di sản thừa kế của ông A do anh T2 để lại di sản nên bà đề nghị Tòa án giao cho bà phần di sản của anh T1, anh C, chị L.

5. Bà đề nghị Tòa án giao cho bà quyền sở hữu, sử dụng 1286m² đất trong đó 391m² đất ở thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 38BI và 895m² đất vườn tạp thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 38BI có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y826286, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 1467QSDĐ/1141-UBTP do Ủy ban nhân dân thành phố Y cấp ngày 12/12/2003 mang tên hộ ông bà Đới Xuân A - bà Nguyễn Thị H và tài sản gắn liền trên đất là 01 ngôi nhà xây cấp 4 diện tích khoảng 100m² có địa chỉ tại tổ A phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái trị giá 1.800.000.000 đồng.

6. Bà có trách nhiệm trích chia phần tài sản chung cho anh Đới Quốc T1 là 360.000.000 đồng, chị Đới Thị L là 360.000.000 đồng trả cho anh Đới Văn T phần di sản thừa kế của ông Đới Xuân A để lại không có trong di chúc là 24.000.000 đồng.

Theo bản tự khai ngày 23 tháng 11 năm 2023 bị đơn anh Đới Văn T trình bày:

Bố anh là ông Đới Xuân A, sinh năm 1946, chết năm 2022, trước khi chết bố anh có để lại tài sản là thửa đất số 58 và số 36 tờ bản đồ số 38BI diện tích 1286 m² trong đó có 391m² đất ở và 895m² đất vườn tạp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y826286, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 1467QSDĐ/1141-UBTP do Ủy ban nhân dân thành phố Y cấp ngày 12/12/2003 địa chỉ tại tổ A phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái trên đất có 01 ngôi nhà xây cấp 4 diện tích khoảng 100m².

Trước khi bố anh chết không kịp để lại di chúc, tuy nhiên, theo thông báo của Tòa án bố anh có để lại di chúc. Bản thân anh chưa được ai trong gia đình thông báo là có di chúc, anh chưa được nhìn thấy di chúc do bố anh để lại do vậy anh chưa xác định được di chúc có hiệu lực pháp luật hay không?. Bản thân anh chưa cung cấp bản sao căn cước công dân cho bà H, các con của bà H và các anh chị em của anh, việc bà H có bản sao căn cước công dân của anh giao nộp cho Tòa án là thiếu minh bạch.

Anh đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật, đánh giá toàn bộ hồ sơ tài liệu có trong hồ sơ vụ án từ đó xác định được nguồn gốc tài sản đối với quyền sử dụng đất mà bố anh là ông A để lại trong quyền sử dụng đất đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, căn cứ vào công sức đóng góp tôn tạo của từng người để xác định quyền lợi của từng người cho đúng quy định. Xác định di chúc của ông Đới Xuân A lập tại Văn phòng C1 có hợp pháp hay không ? từ đó đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đồng thừa kế của ông A.

Theo bản tự khai ngày 27 tháng 11 năm 2023 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Đới Quốc T1 là chị Đới Thị L trình bày:

Ông Đới Xuân A, sinh năm 1946 kết hôn với bà Phạm Thị T3, sinh năm 1949. Ông A, bà T3 sinh được 03 người con chung là anh Đới Quốc T1, anh Đới

Thành C, anh Đới Văn T. Quá trình chung sống do không hợp nên bố mẹ anh đã ly hôn.

Đến năm 1978 ông Đới Xuân Á kết hôn với bà Nguyễn Thị Hiệp s được hai người con chung là em L và em T2. Sau khi ông Á kết hôn với bà H, anh về chung sống cùng ông Á, bà H, em L và em T2. Quá trình chung sống chúng tôi cùng nhau xây dựng được khối tài sản chung là quyền sử dụng 1286m² đất trong đó 391m² đất ở thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 38BI và 895m² đất vườn tạp thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 38BI có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y826286, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 1467QSDĐ/1141-UBTP do Ủy ban nhân dân thành phố Y cấp ngày 12/12/2003 mang tên hộ ông bà Đới Xuân Á – Nguyễn Thị H và tài sản gắn liền trên đất là 01 ngôi nhà xây cấp 4 diện tích khoảng 100m² có địa chỉ tại tổ A, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Trị giá nhà đất khoảng 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng).

Ngày 06 tháng 02 năm 2016 em Đới Quốc T2 chết không để lại di chúc. Ngày 07 tháng 8 năm 2022, ông Đới Xuân Á chết, ông Á có 05 con. Con chung với bà H là em Đới Thị L và em Đới Quốc T2, con riêng của ông Á có anh là Đới Quốc T1, Đới Thành C, Đới Văn T. Bố đẻ ông Á là cụ Đới Văn D1, chết năm 1960, mẹ đẻ ông Á là cụ Khương Thị S, chết năm 1984.

Trước khi chết, ngày 27 tháng 4 năm 2022 ông Á đã làm di chúc tại Văn phòng C1 để lại toàn bộ tài sản là 1/5 quyền sử dụng đất chung với các thành viên trong hộ ông Đới Xuân Á và bà Nguyễn Thị H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cụ thể 78,2 m² đất ở thửa đất số 58, tờ bản đồ số 38BI và 179m² đất vườn tạp thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 38BI cho bà H (V công chứng số 2825/quyền số 04/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27 tháng 4 năm 2022).

Ngày 25 tháng 8 năm 2023 anh đã làm Văn bản từ chối nhận phần di sản thừa kế của ông Đới Xuân Á do anh Đới Quốc T2 để lại tại Văn phòng C2 số công chứng 4563/Quyền số 03/2023TP/CC-SCC/HĐGD.

Nay bà H khởi kiện về việc yêu chia tài sản thuộc sở hữu chung và thừa kế tài sản anh hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Theo bản tự khai ngày 27 tháng 10 năm 2023 quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Đới Thị L trình bày:

Chị thống nhất, nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, lời khai của anh Đới Quốc T1 đối với phần tài sản của chị trong khối tài sản chung trong hộ ông Đới Xuân Á, bà Nguyễn Thị H là 1/5 diện tích đất ở thuộc thửa đất số 58; 1/5 diện tích đất vườn thuộc thửa đất số 63 và 1/5 giá trị tài sản gắn liền trên đất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y826286, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 1467QSDĐ/1141-UBTP do Ủy ban nhân dân thành phố Y cấp ngày 12/12/2003 mang tên hộ ông bà Đới Xuân Á - bà Nguyễn Thị H.

Theo bản tự khai ngày 27 tháng 11 năm 2023 người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đới Thành C là chị Đới Thị L trình bày:

Anh thống nhất, nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, lời khai của anh Đới Quốc T1.

Theo bản tự khai ngày 04 tháng 12 năm 2023 người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim D là chị Đới Thị L trình bày:

Chị Nguyễn Thị Kim D kết hôn với anh Đới Quốc T2 ngày 17 tháng 12 năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Chị và anh T2 kết hôn không có con chung, con nuôi, con riêng. Chị đã nhận được thông báo số 82/TB-TLVA ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái. Chị D hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của mẹ chồng chị là bà Nguyễn Thị H.

Kết quả xem xét và thẩm định tại chỗ ngày 09 tháng 01 năm 2024 và kết quả định giá tài sản ngày 04 tháng 3 năm 2024 đối với tài sản chung của hộ gia đình và di sản thừa kế do bà nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đang quản lý sử dụng thực tế gồm:

Diện tích đất tại tờ bản đồ số 38BI gồm:

Thửa đất số 58, diện tích 391m², mục đích đất ở vị trí D, đường H, phường N, thành phố Y: 391m² x 4.300.000 đồng/m² = 1.681.300.000 đồng;

Thửa đất số 63, diện tích và 888,9m², mục đích sử dụng đất vườn tạp (CLN): 888,9m² x 31.000đồng/m² = 27.555.900 đồng.

Thửa đất số 1 (nằm trong thửa đất số 63) mục đích sử dụng đất nuôi trồng thủy sản (NTS) là: 176,4 m² x 38.000đồng/m² = 6.703.200 đồng.

Diện tích đất thừa so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 63 tờ bản đồ số 38BI là diện tích đất thực tế sử dụng (888,9m² đất vườn tạp (CLN) + 176,4 m² đất nuôi trồng thủy sản (NTS) - 895m² diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất = 170,3m². Diện tích đất thừa này do ông A, bà H khai phá cùng anh T1, chị L, anh T2 sử dụng ổn định không tranh chấp với ai.

Tài sản gắn liền trên đất gồm:

-Vật kiến trúc: 01 nhà xây cấp 4 , mái lợp tôn, xà gồ thép, tường 220 cao 2,8m, toàn bộ nhà được quét vôi ve (được xây dựng năm 1978) diện tích 76,86m²; 01 nhà bếp xây cấp 4, mái lợp fibrô, đòn tay gỗ, tường 110, cao 2,85m, toàn bộ nhà được quét vôi ve diện tích 32,68m² điện nước đầy đủ; 01 nhà vệ sinh xây cấp 4, mái lợp bằng BTCT, tường 110, cao 2,85m, toàn bộ nhà được quét vôi ve diện tích 6,94m²; mái sân trước nhà chính lợp tôn xốp, xà gồ, vì kèo thép diện tích 39,60m², nền sân trước lát gạch Hạ Long diện tích 39,60m²; mái sân trước nhà bếp lợp fibrô, đòn tay gỗ, diện tích 15,60m², nền bê tông gạch vỡ lát vỉa xi măng diện tích là 15,99m², 02 bể nổi đựng nước, 01 giếng đào; hàng rào xây gạch chỉ 110 kết hợp rào lưới B40, đường vào nhà bê tông gạch vỡ lát vỉa xi măng và 01 khu chuồng gà mái lợp fibrô đòn tay gỗ: Trị giá 113.430.300 đồng.

- Cây lâu năm trên đất có: 03 cây bưởi, 03 cây hồng xiêm, 03 cây cau, 02 cây xoài và 01 cây vải: Trị giá 6.058.000 đồng.

Tổng giá trị đất và tài sản gắn liền trên đất là **1.835.047.400 đồng** (Một tỷ tám trăm ba mươi lăm triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm đồng).

Tại đơn đề nghị ngày 22 tháng 4 năm 2024 của chị Đới Thị L, chị đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung của hộ gia đình ông bà Đới Xuân Á, Nguyễn Thị H và chia di sản thừa kế theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Phần tài sản được chia của chị trong khối tài sản chung và phần kỹ phần thừa kế của chị, toàn bộ chị tặng cho bà H.

Tại đơn đề nghị ngày 22 tháng 4 năm 2024 của người đại diện theo ủy quyền của anh Đới Quốc T1, Đới Thành C, chị Nguyễn Thị Kim D là chị Đới Thị L đề nghị ký phần thừa kế của anh T1, anh C, chị D tự nguyện tặng cho bà H.

Tại đơn đề nghị ngày 22 tháng 4 năm 2024 của bà Nguyễn Thị H, bà thống nhất, nhất trí với ý kiến của chị L, anh T1, anh C, chị D. Bà đề nghị chia cho bà được sở hữu sử dụng toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền trên đất theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, bà có trách nhiệm thanh toán trị giá phần chia tài sản chung của hộ gia đình cho anh Đới Quốc T1 và thanh toán giá trị kỹ phần thừa kế cho anh Đới Văn T.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, các thành viên khác trong HĐXX, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, bị đơn anh Đới Quốc T1, chị Đới Thị L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đới Thành C, chị Nguyễn Thị Kim D trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đới Văn T trong quá trình Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử chưa tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157; 165; 227, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 633, 634, 635, điểm a khoản 1 Điều 675, khoản 2 Điều 685 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 207, khoản 1, khoản 2 Điều 218, 357, 468, 611, 612, 613, 623, khoản 3 Điều 628, 630, 639, 649, 650, 651, 660 và 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm b, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc “Chia tài sản chung của hộ gia đình và chia di sản thừa kế”.*

2. *Chia cho bà Nguyễn Thị H được sở hữu, sử dụng thửa đất số 58, tờ bản đồ số 38BI diện tích 391m² mục đích đất ở; thửa đất số 63, tờ bản đồ số 38BI diện tích 895m² đất vườn tạp (trong đó 888,9m² đất lâu năm (CLN) và 6,1m² đất nuôi trồng thủy sản (NTS) và tài sản gắn liền trên đất, địa chỉ tại tổ E A nay là tổ A, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y826286 vào sổ cấp giấy chứng nhận số 1467QSDĐ/1141-UBTP do Ủy ban nhân dân thành phố Y cấp ngày 12 tháng 12 năm 2003 mang tên hộ ông bà Đới Xuân Á*

- Nguyễn Thị Hiệp T4 giao cho Nguyễn Thị H 170,3m² đất nuôi trồng thủy sản (NTS) liền kề với diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán trị giá phần chia tài sản chung của hộ gia đình cho anh Đới Quốc T1 số tiền 367.009.500 đồng (Ba trăm sáu mươi bảy triệu không trăm linh chín nghìn năm trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho anh Đới Văn T số tiền là 24.735.400 đồng (Hai mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H nhận chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nên các đương sự khác không phải chịu tiền tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

4. Về án phí: Anh Đới Quốc T1, anh Đới Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; bà Nguyễn Thị H được miễn án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là tranh chấp về chia tài sản thuộc sở hữu chung và thừa kế tài sản theo quy định tại khoản 5, khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, bị đơn chị Đới Thị L đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Đới Quốc T1, Đới Thành C, Nguyễn Thị Kim D có đơn giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Đới Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình, thời điểm mở thừa kế và thời hiệu khởi kiện:

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình và yêu cầu chia thừa kế là quyền sử dụng 1286m² đất trong đó 391m² đất ở thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 38BI và 895m² đất vườn tạp (CLN) thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 38BI và tài sản gắn liền trên đất là một căn nhà xây cấp 4 diện tích khoảng 100m², có địa chỉ tại tổ E A (nay là tổ A), phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái được Ủy ban nhân dân thành phố Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y826286 vào sổ cấp giấy chứng nhận số 1467QSDĐ/1141-UBTP mang tên hộ ông bà Đới Xuân Ấ - Nguyễn Thị H do Ủy

ban nhân dân thành phố Y cấp ngày 12 tháng 12 năm 2003 và diện tích 170,3m² đất vườn tạp do ông Đới Xuân Á, bà Nguyễn Thị H, anh Đới Quốc T1, chị Đới Thị L, anh Đới Quốc T2 cùng nhau khai phá, tôn tạo sử dụng ổn định không tranh chấp với ai.

Văn bản xác nhận thông tin nơi cư trú ngày 27 tháng 7 năm 2023 Công an phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái xác nhận. Tại thời điểm ngày 12 tháng 12 năm 2003, hộ gia đình bà Nguyễn Thị H đăng ký nhân khẩu thường trú tại tổ E A (nay là tổ A), phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Hộ có 05 nhân khẩu: Chủ hộ bà Nguyễn Thị H, chồng là ông Đới Xuân Á và các con là anh Đới Quốc T1, chị Đới Thị L, anh Đới Quốc T2.

Thời điểm cấp đất đối với thửa đất số 58, tờ bản đồ số 38BI có diện tích là 391m² đất ở và thửa đất số 63, tờ bản đồ số 38BI có diện tích là 895m² đất vườn tạp (CLN) có địa chỉ tại tổ E A (nay là tổ A), phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái được Ủy ban nhân dân thành phố Y cấp gồm có 05 nhân khẩu nêu trên. Như vậy, mỗi thành viên trong hộ được cấp là 78,2m² đất ở; 179m² đất vườn tạp và 1/5 tài sản gắn liền trên đất.

Ngoài diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên các thành viên trong hộ còn khai phá, tôn tạo được 170,3m² đất nuôi trồng thủy sản được sử dụng ổn định không tranh chấp với ai. Do vậy, mỗi thành viên trong hộ còn được phân chia 170,3 m² đất nuôi trồng thủy sản : 5 = 34,06m².

[3] Thời điểm mở thừa kế: Anh Đới Quốc T2 chết ngày 06 tháng 02 năm 2016 nên thời điểm mở thừa kế đối với anh T2 là ngày anh T2 chết. Ông Đới Xuân Á chết ngày 07 tháng 8 năm 2022 nên thời điểm mở thừa kế đối với ông Á là ngày ông Á chết.

[4] Thời hiệu khởi kiện ngày 23 tháng 10 năm 2023 bà Nguyễn Thị H nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình và chia di sản thừa kế là quyền sử dụng 1286m² đất trong đó 391m² đất ở thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 38BI và 895m² đất vườn tạp (CLN) thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 38BI và tài sản gắn liền trên đất là một căn nhà xây cấp 4 diện tích khoảng 100m², có địa chỉ tại tổ E A nay là tổ A, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái được Ủy ban nhân dân thành phố Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y826286, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 1467QSDD/1141-UBTP mang tên hộ ông bà Đới Xuân Á - Nguyễn Thị H còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015

[5] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn anh Đới Văn T đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

[6] Xác định phần tài sản chung của hộ gia đình theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là quyền sử dụng 1.456,3 m² đất trong đó 391m² đất ở thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 38BI, 888,9m² đất vườn tạp (CLN) và

176,4 m² đất nuôi trồng thủy sản (NTS) thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 38BI và tài sản gắn liền trên đất là 01 nhà xây cấp 4, mái lợp tôn, xà gồ thép, tường 220 cao 2,8m, toàn bộ nhà được quét vôi ve (được xây dựng năm 1978) diện tích 76,86m²; 01 nhà bếp xây cấp 4, mái lợp fibrô, đòn tay gỗ, tường 110, cao 2,85m, toàn bộ nhà được quét vôi ve diện tích 32,68m² điện nước đầy đủ; 01 nhà vệ sinh xây cấp 4, tường 110, cao 2,85m, toàn bộ nhà được quét vôi ve diện tích 6,94m²; mái sân trước nhà chính lợp tôn xộp, xà gồ, vì kèo thép diện tích 39,60m², nền sân trước lát gạch Hạ Long diện tích 39,60m²; mái sân trước nhà bếp lợp fibrô, đòn tay gỗ, diện tích 15,60m², nền bê tông gạch vỡ láng vữa xi măng diện tích là 15,99m², 02 bể nổi đựng nước, 01 giếng đào; hàng rào xây gạch chỉ 110 kết hợp rào lưới B40, đường vào nhà bê tông gạch vỡ láng vữa xi măng và 01 khu chuồng gà mái lợp fibrô đòn tay gỗ; cây cối trồng trên đất có: 03 cây bưởi, 03 cây hồng xiêm, 03 cây cau, 02 cây xoài và 01 cây vải có giá trị. Địa chỉ tại tổ E A (nay là tổ A), phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là tài sản chung của 05 nhân khẩu gồm: Bà H, ông A, anh T1, chị L, anh T2 mỗi người được hưởng là:

+ 391m² đất ở thuộc thửa đất số 58 : 5 người = 78,2m² (trị giá là 1.681.300.000 đồng: 5 người = 336.260.000 đồng)

+ 888,9m² đất vườn tạp (CLN) thuộc thửa đất số 63: 5 người = 177,78m² (trị giá là: 27.555.900 đồng: 5 người = 5.511.180 đồng).

+ 176,4 m² đất nuôi trồng thủy sản (NTS) thửa đất số 1 (nằm trong thửa đất số 63): 5 người = 35,28m² (trị giá là 6.703.200 đồng : 5 người = 1.340.640 đồng).

Tài sản gắn liền trên đất là công sức xây dựng tôn tạo của 05 người trong hộ nên mỗi người được hưởng 1/5 giá trị tài sản trên đất gồm nhà, bếp, sân, giếng, bể nước, cây cối... theo biên bản thẩm định định giá là: 113.430.300đồng + 6.058.000 đồng = 119.488.300 đồng : 5 người = 23.897.660 đồng.

Tổng trị giá tài sản của bà H, ông A, anh T1, chị L, anh T2 mỗi người là: 336.260.000 đồng + 5.511.180 đồng + 1.340.640 đồng + 23.897.660 đồng = 367.009.480 đồng.

[7] Về đề nghị của chị L tự nguyện tặng cho bà H phần tài sản chung của chị L trong khối tài sản chung của hộ gia đình cho bà H. Xét đây là sự tự nguyện, quyền tự định đoạt của chị L không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do vậy phần tài sản của bà H trong khối tài sản chung của gia đình là: 367.009.480 đồng + 367.009.480 đồng = 734.018.960 đồng.

[8] Về chia di sản thừa kế:

[8.1] Về hàng thừa kế, người thừa kế: Theo các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của các đương sự: Ông Đới Xuân A, kết hôn với bà Phạm Thị T3. Ông A, bà T3 sinh được 03 người con chung là anh T1, anh C, anh T. Quá trình chung sống, do không hợp nên ông A, bà T3 ly hôn. Năm 1978 ông Đới Xuân A kết hôn với bà Nguyễn Thị Hiệp s được hai người con chung là L và T2. (Ngoài 05 người con với bà T3, bà H. Ông A không có người con nuôi, con riêng nào khác). Bỏ đề

ông Á là cụ Đới Văn D1, chết năm 1960, mẹ đẻ ông Á là cụ Khương Thị S, chết năm 1984 (ông Á không có bố nuôi, mẹ nuôi theo quy định pháp luật).

[8.2] *Đối với di sản thừa kế của anh Đới Quốc T2:*

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự thì anh Đới Quốc T2 chết không để lại di chúc nên căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 675 Bộ luật Dân sự năm 2005, di sản thừa kế của anh T2 được chia theo pháp luật đối với phần đất và tài sản gắn liền trên đất được chia trong phần tài sản chung của hộ gia đình gồm: Thửa đất số 58 diện tích 78,2m² đất ở; thửa đất số 63: diện tích 177,78m² đất vườn tạp (CLN) và 35,28m² đất nuôi trồng thủy sản (NTS) và 1/5 tài sản gắn liền trên đất.

Thời điểm mở thừa kế của anh T2 là ngày 06 tháng 02 năm 2016 theo quy định tại Điều 676 Bộ luật dân sự 2005. Hàng thừa kế thứ nhất của anh T2 gồm có: Bố đẻ của anh T2 là ông Đới Xuân Á, mẹ đẻ của anh T2 là bà Nguyễn Thị H, vợ của anh T2 là chị Nguyễn Thị Kim D, do anh T2 chị D không có con chung, con nuôi, con riêng. Như vậy, tại thời điểm mở thừa kế hàng thừa kế thứ nhất của anh T2 bố mẹ và vợ anh T2 đều còn sống nên di sản của anh T2 được chia cho bà H, ông Á, chị D mỗi người được hưởng như sau:

+ 78,2m² đất ở thửa đất số 58 : 3 = 26,06 m² (trị giá: 336.260.000 đồng : 3 người = 112.086.666 đồng).

+ 177,78m² đất vườn tạp (CLN) thửa đất số 63 : 3 = 59,26 m² (trị giá 5.511.180 đồng : 3 người = 1.837.060 đồng).

+ 35,28m² đất nuôi trồng thủy sản (NTS) thửa đất số 1 nằm trong thửa đất số 63 : 3 = 11,76m² (trị giá 1.340.640 đồng : 3 = 446.880 đồng)

+ 1/5 giá trị tài sản gắn liền trên đất : 3 = (23.897.660 đồng : 3 người = 7.965.886) đồng.

Như vậy, bà H, ông Á, chị D mỗi người được hưởng di sản thừa kế của anh T2 là: 112.086.666 đồng + 1.837.060 đồng + 446.880 đồng + 7.965.886 đồng = 122.336.492 đồng.

[8.3] Xét yêu cầu của chị D tự nguyện tặng cho bà H kỹ phần thừa kế được hưởng của anh T2. Đây là sự tự nguyện, quyền tự định đoạt của chị D không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do vậy, bà H được hưởng phần di sản của anh T2 để lại cho bà H và phần di sản của anh T2 để lại cho chị D là: 122.336.492 đồng + 122.336.492 đồng = 244.672.984 đồng.

[9] *Đối với di sản thừa kế của ông Đới Xuân Á.*

[9.1] *Về yêu cầu chia thừa kế theo di chúc:* Xét di chúc do ông Đới Xuân Á tự nguyện lập ngày 27 tháng 4 năm 2022 tại thời điểm lập di chúc ông Á có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật, không bị lừa dối, đe dọa cưỡng bức, có người làm chứng là chị Mã Thị T5, sinh năm 1991, giấy CMND số 060927978 được Văn phòng C1 lập số công chứng 2825 quyền số 04/2022TP/CC-SCC/HĐGD. Theo quy định tại Điều 632, 635, 639 Bộ luật Dân

sự năm 2015, ngoài bản di chúc này không ai cung cấp thêm bản di chúc nào khác nên bản di chúc của ông Á được Văn phòng C1 lập số công chứng 2825 quyền số 04/2022TP/CC-SCC/HĐGD là di chúc hợp pháp có hiệu lực pháp luật.

Tại nội dung của bản di chúc lập ngày 27 tháng 4 năm 2022 có nội dung “Ông có tài sản là 1/5 quyền sử dụng đất chung với các thành viên trong hộ ông bà Đới Xuân Á, Nguyễn Thị H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y826286, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 1467QSDD/1141-UBTP mang tên hộ ông bà Đới Xuân Á - Nguyễn Thị H do Ủy ban nhân dân thành phố Y cấp ngày 12 tháng 12 năm 2003: Tờ bản đồ số 38BI: Thửa đất số 58 diện tích 391m², mục đích sử dụng đất ở và thửa đất số 63, diện tích 895m², mục đích sử dụng vườn tạp. Bằng di chúc này ông Á di chúc như sau: Sau khi ông chết, toàn bộ phần tài sản nêu trên của ông, ông để lại cho 01 (một) người được hưởng là bà Nguyễn Thị H”

Như vậy, việc ông Á lập di chúc định đoạt tài sản của mình là hợp pháp. Theo di chúc thể hiện ông có tài sản là 1/5 quyền sử dụng đất chung với các thành viên trong hộ ông bà Đới Xuân Á, Nguyễn Thị H cụ thể ông Á có tài sản di sản là:

+ 78,2m² đất ở thuộc thửa đất số 58, trị giá: 336.260.000 đồng + 177,78m² đất vườn tạp (CLN) thuộc thửa đất số 63, trị giá 5.511.180 đồng + 1/5 trị giá tài sản gắn liền trên đất (23.897.660 đồng) = 365.668.840 đồng. Do vậy, yêu cầu công nhận di chúc lập ngày 27 tháng 4 năm 2022 ông Đới Xuân Á tại Văn phòng C1 của nguyên đơn là có cơ sở được chấp nhận.

[9.2] Về yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật: Di sản của ông Đới Xuân Á có nguồn gốc từ tài sản thừa kế do anh Đới Quốc T2 chết để lại không có di chúc là: 26,06 m² đất ở thuộc thửa đất số 58 + 59,26 m² đất vườn tạp (CLN) thuộc thửa đất số 63 + 35,28m² đất nuôi trồng thủy sản (NTS) thửa đất số 1 (diện tích đất khai phá cùng các thành viên trong hộ) + 1/8 trị giá tài sản gắn liền trên đất, có tổng trị giá là: 122 336 492 đồng.

Nếu chia đều cho 05 kỹ phần gồm: Bà H, anh T1, anh C, anh T, chị L thì mỗi người sẽ được là 5,21m² đất ở; 11,85m² đất vườn tạp (CLN) và 7,056m² đất nuôi trồng thủy sản ((NTS).

Diện tích này quá nhỏ, không đủ để chia tách thừa theo quy định của pháp luật nên không thể chia bằng hiện vật. Do vậy cần chia di sản của ông Á theo giá trị tài sản tương ứng với kỹ phần được hưởng.

Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản thì di sản của ông Đới Xuân Á để lại có nguồn gốc từ tài sản thừa kế do anh Đới Quốc T2 chết để lại là có giá trị là 122.336.492 đồng và trị giá tài sản do ông Á để lại trong khối tài sản chung của hộ không có trong di chúc là 1.340.640 đồng. Tổng giá trị tài sản là: 122.336.492 đồng + 1.340.640 đồng = 123.677.132 đồng.

Tại thời điểm mở thừa kế của ông Đới Xuân Á ngày 07 tháng 8 năm 2022 (phần di sản của ông Á không có di chúc, nguồn gốc thừa kế di sản của anh T2 và phần tài sản do ông Á để lại trong khối tài sản chung của hộ gia đình không có di

chúc) được chia cho 05 người là bà H, anh T1, anh C, anh T, chị L mỗi kỹ phần thừa kế có giá trị là 123.677.132 đồng : 05 người = 24.735.426,4 đồng.

[9.3] Xét đề nghị của anh T1, anh C, chị L tự nguyện tặng cho bà H kỹ phần thừa kế được hưởng chia theo pháp luật của ông A. Xét đây là sự tự nguyện, quyền tự định đoạt của anh T1, anh C, chị L không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do vậy, di sản của ông A chia theo pháp luật bà H được hưởng là kỹ phần của bà H + kỹ phần của anh T1, anh C, chị L = (24.735.426,4 đồng + 24.735.426,4 đồng + 24.735.426,4 đồng + 24.735.426,4 đồng) = 98.941.705,6 đồng.

[10] Tài sản chung của hộ gia đình bà Nguyễn Thị H, ông Đới Xuân A được phân chia cho các thành viên trong hộ và di sản thừa kế của anh Đới Quốc T2, ông Đới Xuân A được chia cụ thể như sau:

* Bà Nguyễn Thị H được hưởng là:

+ Trị giá phần tài sản chung được chia của hộ gia đình là 367.009.480 đồng.

+ Trị giá phần tài sản chung của chị L được chia của hộ gia đình tặng cho bà H là: 367.009.480 đồng.

+ Kỹ phần thừa kế của bà H do anh T2 để lại là: 122.336.492 đồng.

+ Kỹ phần thừa kế của chị D do anh T2 để lại, chị D tặng cho bà H là: 122.336.492 đồng.

+ Tài sản của ông A để lại cho bà H theo di chúc là 365.668.840 đồng.

+ Kỹ phần của bà H thừa kế do ông A để lại chia theo pháp luật 24.735.426,4 đồng.

+ Kỹ phần của anh T1 thừa kế do ông A để lại chia theo pháp luật, anh T1 tặng cho bà H là 24.735.426,4 đồng.

+ Kỹ phần của anh C thừa kế do ông A để lại chia theo pháp luật, anh C tặng cho bà H là 24.735.426,4 đồng.

+ Kỹ phần của chị L thừa kế do ông A để lại chia theo pháp luật, chị L tặng cho bà H là 24.735.426,4 đồng.

Tổng trị giá tài sản bà Nguyễn Thị H được hưởng là 1.443.302.489,6 đồng (làm tròn 1.443.302.500 đồng).

* Anh Đới Quốc T1 được hưởng trị giá phần tài sản chung được chia của hộ gia đình là: 367.009.480 đồng (làm tròn 367.009.500 đồng).

* Anh Đới Văn T được hưởng kỹ phần thừa kế của ông Đới Xuân A chia theo pháp luật là: 24.735.426,4 đồng (24.735.400 đồng).

[11] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị H được sở hữu, sử dụng phần tài sản chung của hộ gia đình, di sản của anh T2, ông A để lại và có trách nhiệm thanh toán phần tài sản chung cho anh Đới Quốc T1 và kỹ phần thừa kế cho anh Đới Văn T. Hội đồng xét xử xét thấy: Tài sản chung của hộ gia đình bà Nguyễn Thị H, ông

Đới Xuân Á trong đó có phần di sản của anh T2, ông Á. Ngoài phần tài sản chung được phân chia, bà H còn được chị L cho tặng phần tài sản chung của chị và chị D cho tặng phần tài sản thừa kế do anh T2 để lại chia theo pháp luật và kỹ phân thừa kế của anh T1, anh C, chị L tặng cho. Như vậy, phần tài sản trong khối tài sản chung của hộ gia đình và di sản của bà H được hưởng lớn nhất so với thành viên khác trong hộ gia đình và đồng thừa kế, mặt khác bà H đang là người quản lý tài sản và di sản này. Bà H có nguyện vọng được sở hữu, sử dụng tài sản sở hữu chung và di sản do anh T2 và ông Á để lại, bà H tuổi đã cao, đây là nơi ở duy nhất của bà nên giao cho bà H được sở hữu, sử dụng 391m² đất ở đô thị, thửa đất số 58, tờ bản đồ số 38BI và 888,9m² thửa đất số 63 đất vườn tạp (CLN), tờ bản đồ số 38BI cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất, địa chỉ thửa đất tổ 56 A nay là tổ A, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y826286, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 1467QSDD/1141-UBTP mang tên hộ ông bà Đới Xuân Á - Nguyễn Thị H do Ủy ban nhân dân thành phố Y cấp ngày 12 tháng 12 năm 2003 và diện tích 170,3m² đất vườn tạp do các thành viên trong hộ còn khai phá, tôn tạo được sử dụng ổn định không tranh chấp với ai có tổng trị giá là: 1.835.047.400 đồng (Một tỷ tám trăm ba mươi lăm triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm đồng). Bà H có trách nhiệm thanh toán phần tài sản chung cho anh Đới Quốc T1 và kỹ phân thừa kế cho anh Đới Văn T là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với thực tế và đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể, bà H có nghĩa vụ thanh toán cho: Anh Đới Quốc T1 trị giá phần chia tài sản chung của hộ gia đình số tiền là 367.009.500 đồng; trị giá kỹ phân thừa kế cho anh Đới Văn T số tiền là 24.735.400 đồng.

[12] *Về chi phí tố tụng*: Các đương sự phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là: 14.821.000 đồng (Mười bốn triệu tám trăm hai mươi một nghìn đồng). Do nguyên đơn bà Nguyễn Thị H nhận chịu toàn bộ tiền chi phí tố tụng nên bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. (xác nhận bà H đã nộp đủ).

[13] *Về án phí*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1947 là người cao tuổi và có đơn xin được miễn án phí, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, nên được miễn nộp. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật cụ thể: Anh Đới Quốc T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 367.009.500 đồng x 5% = 18.350.475 đồng (làm tròn 18.350.000 đồng). Anh Đới Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 24.735.400 đồng x 5% = 1.236.770 đồng (làm tròn 1.236.000 đồng).

[14] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[15] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái là phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 633, 634, 635, điểm a khoản 1 Điều 675, khoản 2 Điều 685 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 207, khoản 1, khoản 2 Điều 218, 357, 468, 611, 612, 613, 623, khoản 3 Điều 628, 630, 639, 649, 650, 651, 660 và 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147; 157; 165; 227, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm b, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc “Chia tài sản chung của hộ gia đình và chia di sản thừa kế”.

2. Chia cho bà Nguyễn Thị H được sở hữu, sử dụng thửa đất số 58, tờ bản đồ số 38BI diện tích 391m² mục đích đất ở; thửa đất số 63, tờ bản đồ số 38BI diện tích 895m² đất vườn tạp (trong đó 888,9m² đất lâu năm (CLN) và 6,1m² đất nuôi trồng thủy sản (NTS) và tài sản gắn liền trên đất, địa chỉ tại tổ E A nay là tổ A, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y826286 vào sổ cấp giấy chứng nhận số 1467QSDĐ/1141-UBTP do Ủy ban nhân dân thành phố Y cấp ngày 12 tháng 12 năm 2003 mang tên hộ ông bà Đới Xuân A - Nguyễn Thị H. Tạm giao cho Nguyễn Thị H 170,3m² đất nuôi trồng thủy sản (NTS) liền kề với diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. (có sơ đồ kèm theo).

Bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán trị giá phần chia tài sản chung của hộ gia đình cho anh Đới Quốc T1 số tiền 367.009.500 đồng (Ba trăm sáu mươi bảy triệu không trăm linh chín nghìn năm trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho anh Đới Văn T số tiền là 24.735.400 đồng (Hai mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm đồng).

(Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật anh T1, anh T có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên mà bà H chưa trả đủ thì còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự).

3. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị H chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là: 14.821.000 đồng (xác nhận bà H đã nộp đủ).

4. Về án phí: Anh Đới Quốc T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 18.350.000 đồng (Mười tám triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). Anh Đới Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.236.000 đồng (Một triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TP. Yên Bái;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Yên Bái;
- Lưu HS, TA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyền

